

MỘT SỐ GIẢI PHÁP LỒNG GHÉP NỘI DUNG CỐT LÕI BỐN NGHỊ QUYẾT 57, 59, 66 VÀ 68 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRONG GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Nguyễn Văn Tráng, Nguyễn Thị Mai Hoa
Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu

Tóm tắt: Bốn nghị quyết do Bộ Chính trị ban hành: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 rất quan trọng trong định hướng xây dựng, phát triển đất nước giai đoạn kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, việc lồng ghép 4 nghị quyết vào giảng dạy LLCT cho sinh viên (SV) là cần thiết. Trên cơ sở nghiên cứu những nội dung cốt lõi của bốn nghị quyết và tìm hiểu thực trạng giảng dạy LLCT gắn với lồng ghép các Nghị quyết của Đảng ở Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu, các tác giả đã đưa ra một số giải pháp lồng ghép vào giảng dạy LLCT cho SV. Qua đó, giảng viên (GV) giúp SV hiểu biết đường lối, chủ trương của Đảng và vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp của bản thân.

Từ khóa: lồng ghép, LLCT, nghị quyết, SV

SOME SOLUTIONS FOR INTEGRATING THE CORE CONTENTS OF FOUR POLITBURO RESOLUTIONS NO. 57, 59, 66, AND 68 INTO THE TEACHING OF POLITICAL THEORY FOR STUDENTS AT BA RIA – VUNG TAU COLLEGE OF EDUCATION

Abstract: The four Resolutions issued by the Politburo-Resolution No. 57-NQ/TW dated December 22, 2024; Resolution No. 59-NQ/TW dated January 24, 2025; Resolution No. 66-NQ/TW dated April 30, 2025; and Resolution No. 68-NQ/TW dated May 4, 2025—play a crucial role in orienting the construction and development of the nation in the new era, the era of Vietnam's strong rise. Therefore, integrating these four Resolutions into the teaching of Political Theory for students is essential. Based on the study of the core contents of the four Resolutions and an examination of the current situation of Political Theory teaching associated with the integration of Party Resolutions at Ba Ria – Vung Tau College of Education, the authors propose several solutions for incorporating these Resolutions into Political Theory teaching. Through this approach, lecturers can help students better understand the Party's guidelines and policies and apply them effectively to their future professional practice.

Keywords: integration, political theory, resolution, students.

Nhận bài: 18/10/2025

Phản biện: 19/11/2025

Duyệt đăng: 24/11/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bốn nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XIII ban hành là: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới”; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về “Phát triển kinh tế tư nhân”. Bốn Nghị quyết rất quan trọng trong việc định hướng xây dựng, phát triển đất nước giai đoạn kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, được xem là “Bộ Tứ trụ” để giúp Việt Nam cất cánh. Cho nên, việc đưa bốn Nghị quyết đi vào thực tiễn cuộc sống là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Dưới góc độ tuyên truyền, giáo dục đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho SV thì việc lồng ghép vào giảng dạy LLCT cho sinh viên (SV) là cần thiết.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung cốt lõi và giá trị thực tiễn của bốn nghị quyết

Tầm nhìn phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI được Đại hội XIII của Đảng xác định là đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao, nhân dân ấm no, hạnh phúc, đất nước phồn vinh, hùng cường, sánh vai các cường quốc năm châu. Để hiện thực hóa tầm nhìn đó, bốn nghị quyết mới của Bộ Chính trị được ban hành như những bước đột phá chiến lược, định vị các trụ cột phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên “vươn mình” của dân tộc.

Nghị quyết số 57-NQ/TW nhấn mạnh vai trò trung tâm của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi đây là động lực then chốt của phát triển. Khoa học cung cấp hệ thống tri thức về bản chất và quy luật vận động của tự nhiên – xã hội; công nghệ là các giải pháp, quy trình biến nguồn lực thành sản phẩm; đổi mới sáng tạo là tạo ra và ứng dụng giải pháp mới để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng;

chuyển đổi số là ứng dụng công nghệ số vào mọi lĩnh vực nhằm thay đổi phương thức hoạt động và nâng cao hiệu quả. Đột phá về khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho phép Việt Nam rút ngắn khoảng cách phát triển, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý và năng lực hội nhập, hướng tới mục tiêu nước phát triển vào năm 2045.

Nghị quyết số 59-NQ/TW tập trung vào hội nhập quốc tế sâu rộng gắn với bảo vệ lợi ích quốc gia – dân tộc. Nghị quyết khẳng định đường lối đối ngoại “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”, chuyển từ vị thế “tham gia” sang “chủ động định hình luật chơi” trong các cơ chế, diễn đàn khu vực và toàn cầu. Việc kết hợp chặt chẽ đối ngoại chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại nhân dân nhằm vừa tranh thủ nguồn lực bên ngoài cho đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hội nhập kinh tế sâu rộng, vừa giữ vững độc lập, tự chủ, an ninh và chủ quyền quốc gia.

Nghị quyết số 66-NQ/TW coi pháp luật là trụ cột định hướng phát triển và là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và cạnh tranh gay gắt, việc đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật nhằm tạo khung pháp lý linh hoạt, minh bạch, khả thi, phục vụ lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp. Mục tiêu đến năm 2030 là có hệ thống pháp luật dân chủ, đồng bộ, công khai, với cơ chế thi hành nghiêm minh, mở đường cho phát triển kinh tế – xã hội, đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 là hệ thống pháp luật hiện đại, tiếp cận chuẩn mực quốc tế nhưng vẫn phù hợp thực tiễn trong nước.

Nghị quyết số 68-NQ/TW xác định kinh tế tư nhân là động lực “quan trọng nhất” trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng

với kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể giữ vai trò nòng cốt. Nghị quyết nhấn mạnh việc tháo gỡ rào cản thể chế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp tư nhân, cải cách chính sách như bãi bỏ thuế khoán để khuyến khích chuyển hộ kinh doanh thành doanh nghiệp, tăng cường liên kết và tham gia chuỗi giá trị trong nước và quốc tế. Sau gần 40 năm đổi mới, kinh tế tư nhân được khẳng định không chỉ là “động lực quan trọng” mà còn là “quan trọng nhất” trong phát triển kinh tế đất nước, cần được tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ, tự lực, tự cường, gắn với hội nhập.

Mặc dù tập trung vào các lĩnh vực khác nhau, bốn nghị quyết đều thống nhất ở một điểm: khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng; yêu cầu sự phối hợp đồng bộ giữa chủ trương, thể chế, nguồn lực nhà nước và tư nhân; và đòi hỏi chương trình hành động nghiêm túc để chuyển hóa đường lối, chủ trương thành kết quả hiện thực, góp phần đưa dân tộc Việt Nam vươn lên mạnh mẽ trong giai đoạn mới.

2.2. Thực trạng giảng dạy LLCT gắn với lồng ghép các nghị quyết của Đảng ở Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu

Để tìm hiểu thực trạng giảng dạy LLCT gắn với lồng ghép các nghị quyết của Đảng ở Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu, chúng tôi đã tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 235 SV các ngành học khác nhau. Kết quả tổng hợp như sau:

Thứ nhất, nhận thức của SV về vai trò của các môn LLCT

Môn LLCT giúp SV hiểu rõ nền tảng tư tưởng của Đảng, theo khảo sát SV: Có 92,8% SV cho rằng rất quan trọng và quan trọng; có 6,4% SV cho là bình thường; 0,8% SV cho là ít quan trọng.

Môn LLCT giúp SV hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, theo khảo sát: Có 92,2% SV cho là rất quan trọng và quan trọng; có 6,9% SV cho là bình thường; có 1,1% cho là ít quan trọng.



Biểu đồ 1. Nhận thức của SV về vai trò của các môn LLCT

Môn LLCT giúp SV vận dụng lý luận vào thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp, khảo sát cho thấy: Có 90,4% SV cho là rất quan trọng và quan trọng; có 9,4% SV cho là bình thường; có 0,2% SV cho là ít quan trọng.

Môn LLCT góp phần vào chuyên ngành đào tạo, khảo sát cho thấy: Có 90,6% SV cho là rất quan trọng và quan trọng; có 7,7% SV cho là bình thường; có 0,7% SV cho là ít quan trọng.

Thứ hai, SV xác nhận việc GV thực hiện lồng ghép nội dung các Nghị quyết Đại hội XIII trong bài giảng LLCT

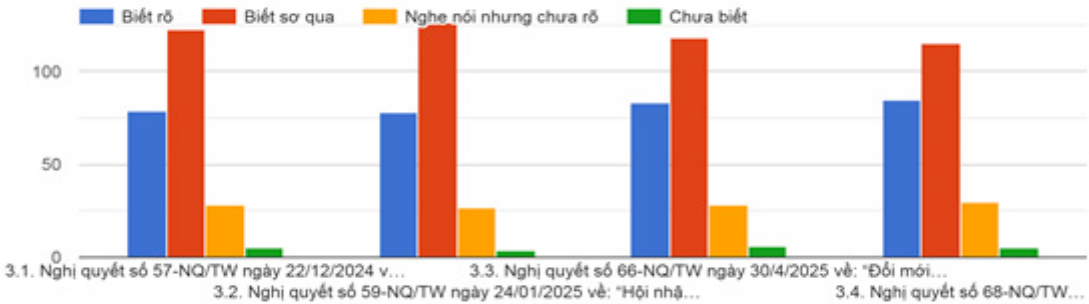
SV xác nhận GV có lồng ghép nội dung các nghị quyết trong giảng dạy: Có 66,8% SV cho là thường xuyên thực hiện; có 29,8% SV cho là thỉnh thoảng thực hiện; có 2,6% SV cho là hiếm khi thực hiện; có 0,8% SV cho là chưa thấy.

SV xác nhận GV sử dụng ví dụ thực tiễn, số liệu, dẫn chứng từ quyết vào giảng dạy: Có 69,3% SV cho là thường xuyên; có 28,1% SV cho là thỉnh thoảng; có 2,1% SV cho là hiếm khi và có 0,5% SV cho là chưa thấy.

Việc GV tổ chức thảo luận, tiểu luận liên quan đến nghị quyết: Có 65,5% SV cho là thường xuyên; có 30,2% SV cho thỉnh thoảng; có 3,4% SV cho là hiếm khi; có 0,9% SV cho là chưa thấy.

Việc GV đưa nội dung nghị quyết vào kiểm tra, đánh giá, SV cho thấy: 67,2% SV cho là thường xuyên; 28,1% SV cho là thỉnh thoảng; 4,3% SV cho là hiếm khi; 0,4% SV cho là chưa thấy.

Thứ ba, nhận thức của SV về nội dung cơ bản 4 nghị quyết của Bộ Chính trị.



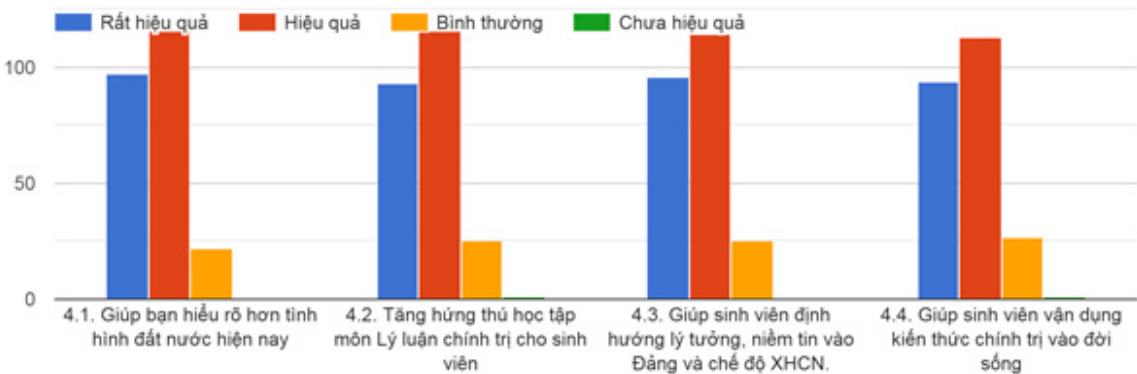
Biểu đồ 2. Nhận thức của SV về nội dung cơ bản 4 nghị quyết của Bộ Chính trị

Biểu đồ 2 cho thấy, SV biết sơ qua chiếm phần nhiều, tiếp đó là biết rõ; còn lại, nghe nói nhưng chưa rõ và chưa biết.

Thứ tư, đánh giá của SV về hiệu quả việc lồng ghép Nghị quyết Đại hội XIII trong giảng dạy LLCT

Biểu đồ 4 cho thấy, đánh giá của SV về việc

GV thực hiện lồng ghép Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong giảng dạy LLCT, phần lớn SV cho là giúp họ hiểu rõ hơn tình hình đất nước hiện nay; tăng hứng thú hơn trong học tập bộ môn và vận dụng nghị quyết vào cuộc sống. Qua đó, SV có định hướng lý tưởng, niềm tin vào Đảng và chế độ XHCN.



Biểu đồ 3. Đánh giá của SV về hiệu quả việc lồng ghép Nghị quyết Đại hội XIII trong giảng dạy LLCT

Thứ năm, những khó khăn khi SV tiếp thu kiến thức từ bộ môn LLCT.

Những khó khăn khi SV tiếp thu kiến thức từ bộ môn LLCT cho thấy, khó khăn mà SV tiếp thu kiến thức từ môn LLCT là: nội dung kiến thức còn trừu tượng, khó hiểu; khó khăn từ phương pháp truyền đạt của GV như: phân tích kiến thức chưa sâu; chưa sinh động... và khó khăn hơn nữa khi có 53,5% SV xác nhận là ít quan tâm đến chính trị. Do vậy, GV cần có những giải pháp thích hợp khi thực hiện lồng ghép 4 nghị quyết của Bộ Chính trị trong giảng dạy LLCT cho SV.

Từ khảo sát trên cho thấy, việc cập nhật và thực hiện lồng ghép các nghị quyết của Đảng trong giảng dạy LLCT là cần thiết. Tuy nhiên, những khó khăn, bất cập, những hạn chế nhận thức chính trị nói chung và các nghị quyết nói riêng từ SV đòi hỏi GV phải có giải pháp thích hợp khi thực hiện chuyển tải những vấn đề cốt lõi của các nghị quyết thông qua bộ môn LLCT. Đặc biệt là bốn nghị quyết của Bộ Chính trị đều có phạm vi ảnh hưởng rất rộng, nhiều vấn đề mới mang tính định hướng thực tiễn phát triển đất nước trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi GV LLCT phải liên tục cập nhật thông tin, lựa chọn những nội dung cốt lõi, cơ bản để chuyển tải đến SV, giúp SV hiểu biết và vận dụng thông qua những việc làm cụ thể, góp phần đưa nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống.

2.3. Một số giải pháp lồng ghép bốn nghị quyết của Bộ Chính trị trong giảng dạy LLCT cho SV Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu

2.3.1. Định hướng chung khi thực hiện lồng ghép bốn nghị quyết của Đảng qua bài giảng LLCT

Một là, GV cần cung cấp tài liệu nghị quyết cho SV; linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy trong quá trình lồng ghép các nghị quyết vào bài giảng; cần lấy ví dụ thực tế, gắn với chuyên ngành đào tạo của SV.

Hai là, khi lồng ghép các nghị quyết vào bài giảng, GV cần phải gắn lý luận với thực tiễn; liên hệ nội dung của nghị quyết với các vấn đề thực tế mà SV quan tâm ở địa phương, đơn vị, hoặc trong cuộc sống hằng ngày.

Ba là, GV xác định đối tượng SV từng ngành học khác nhau để chuyển tải thông điệp bốn Nghị quyết cho phù hợp.

2.3.2. Đối với SV ngành Giáo dục Mầm non, việc lồng ghép được xác định trong giảng dạy môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong giảng dạy Lý luận chính trị (LLCT) cho sinh viên (SV) ngành Giáo dục Mầm non, giảng viên (GV) cần xác định mục tiêu chung của việc

lồng ghép các nghị quyết là giúp SV hiểu rõ đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, hình thành nhận thức chính trị, ý thức công dân, năng lực thích ứng với kinh tế thị trường định hướng XHCN, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, thích ứng với chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng; từ đó nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

Nghị quyết số 57-NQ/TW phù hợp lồng ghép trong Chương IV (Đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa) và Chương VII (Đường lối văn hóa, xã hội). GV làm rõ vai trò trung tâm của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong mục tiêu đưa Việt Nam thành nước phát triển năm 2045; đồng thời gắn với quan điểm “Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu”. Với SV Mầm non, GV minh họa bằng các ví dụ cụ thể: sử dụng công nghệ số trong quản lý trường, dạy học trực tuyến, thiết kế trò chơi, học liệu số, AI hỗ trợ trẻ học. Từ đó định hướng SV phải tự trang bị năng lực tin học, năng lực số để đổi mới phương pháp sư phạm mầm non.

Nghị quyết 59-NQ/TW lồng ghép với Chương VIII (Đường lối đối ngoại). Khi giảng về đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá, GV liên hệ hội nhập toàn diện, chủ động, sâu rộng không chỉ về kinh tế mà cả giáo dục. SV Mầm non cần tiếp cận mô hình, chương trình, phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới, song song với việc giữ gìn bản sắc dân tộc. Điều đó đòi hỏi SV tăng cường năng lực ngoại ngữ, tin học, bản lĩnh chính trị, tình yêu nghề – yêu trẻ và khả năng chọn lọc tinh hoa văn hoá, không lai căng.

Nghị quyết 66-NQ/TW nên gắn vào Chương VI (xây dựng hệ thống chính trị, Nhà nước pháp quyền XHCN). GV làm rõ vai trò pháp luật trong giáo dục: Luật Giáo dục, Luật Trẻ em, quy định an toàn và quyền trẻ em; tổ chức thảo luận các tình huống pháp lý trong nuôi – dạy trẻ, giúp SV ý thức sâu sắc nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và trách nhiệm nghề nghiệp.

Nghị quyết 68-NQ/TW lồng ghép với Chương V (đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN), nhấn mạnh kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất. GV hướng dẫn SV tìm hiểu hệ thống trường mầm non tư thục, dân lập, quốc tế; phân tích cơ hội việc làm, đóng góp ngân sách và yêu cầu giữ vững đạo đức nghề nghiệp trong mọi loại hình trường, từ đó giúp SV hiểu đúng vai trò của kinh tế tư nhân trong giáo dục và định hướng thái độ nghề nghiệp phù hợp.

2.3.3. Đối với SV các ngành Giáo dục nghề nghiệp, việc lồng ghép được xác định trong giảng

dạy môn Giáo dục chính trị

Đề xuất cách lồng ghép bốn nghị quyết mới của Đảng vào giảng dạy môn Lý luận chính trị cho sinh viên các ngành Giáo dục nghề nghiệp, nhằm giúp các em nắm bắt kịp thời định hướng phát triển đất nước trong bối cảnh dân tộc bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Mục tiêu cốt lõi là giúp SV hiểu đường lối mới của Đảng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, ý thức pháp luật, tinh thần đổi mới sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; đồng thời gắn LLCT với thực tiễn nghề nghiệp, biết vận dụng nghị quyết vào công việc và cuộc sống.

Nghị quyết 57-NQ/TW được lồng ghép qua bài 5 và bài 9, nhấn mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là động lực đột phá. Từ đó, bài viết gợi ý định hướng cụ thể theo từng ngành: SV Tiếng Anh khai thác AI và công cụ số để luyện ngôn ngữ, hỗ trợ dịch thuật và chuyển đổi số cho doanh nghiệp; SV Kinh doanh xuất nhập khẩu ứng dụng công nghệ trong logistics, thương mại quốc tế, sàn thương mại điện tử xuyên biên giới; SV Kế toán khai thác phần mềm kế toán số, AI kế toán, RPA, blockchain và phân tích dữ liệu; SV Quản trị văn phòng đẩy mạnh văn phòng điện tử, họp trực tuyến, trợ lý AI; SV Công nghệ thông tin đi đầu trong chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ.

Nghị quyết 59-NQ/TW được tích hợp trong bài 6 và bài 9, gắn với đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế. SV Tiếng Anh được định hướng trở thành cầu nối ngôn ngữ – văn hoá; SV Kinh doanh xuất nhập khẩu gắn hội nhập với mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu Việt; SV Công nghệ thông tin chú trọng chuẩn quốc tế về an ninh thông tin, dữ liệu xuyên biên giới và hợp tác số.

Nghị quyết 66-NQ/TW gắn với bài 7, làm rõ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hệ thống pháp luật hiện đại, minh bạch, gắn chuyển đổi số. SV các ngành được định hướng thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, tuân thủ kỷ luật lao động, an toàn, bảo mật dữ liệu trong hành nghề.

Nghị quyết 68-NQ/TW lồng ghép trong nội dung phát triển kinh tế, nhấn mạnh kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất. SV Giáo dục nghề nghiệp được khuyến khích nhìn khu vực tư nhân như không gian việc làm, khởi nghiệp, sáng tạo, gắn học với hành, kết nối doanh nghiệp, xây dựng đạo đức nghề nghiệp và bản lĩnh doanh nhân. Trên nền tảng đó, SV mỗi ngành vừa nắm vững LLCT, vừa biết vận dụng sáng tạo tinh thần các nghị quyết vào chuyên môn, đóng góp cho phát triển đất nước.

III. KẾT LUẬN

Việc lồng ghép các nội dung cốt lõi của các Nghị quyết số 57, 59, 66 và 68 của Bộ Chính trị vào giảng dạy các học phần LLCT không chỉ là yêu cầu về đổi mới nội dung giáo dục mà còn là nhiệm vụ quan trọng trong việc hiện thực hóa đường lối, chủ trương của Đảng trong nhà trường. Thông qua các giải pháp lồng ghép, nhằm thực hiện hiệu quả việc nâng cao năng lực của GV LLCT trong đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích hợp, gắn lý luận với thực tiễn; góp phần nâng cao chất lượng, sức hấp dẫn và tính thời sự của môn học. Qua đó, GV giúp SV không những hiểu sâu hơn về đường lối, chủ trương của Đảng, mà còn có tri thức, có lý tưởng và có khát vọng cống hiến, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2019). *Giáo trình Giáo dục chính trị. (Tài liệu lưu hành nội bộ)*.
- Chính sách và cuộc sống. (2025). *Toàn văn: Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Truy cập tại: https://xaydungchinhachsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-quoc-gia-119241224180048642.htm?utm_source=chatgpt.com.
- Chính sách mới. (2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*. Truy cập tại: <https://xaydungchinhachsach.chinhphu.vn/nghi-quyet-so-66-nq-tw-ve-doi-moi-cong-tac-xay-dung-va-thi-hanh-phap-luat-dap-ung-yeu-cau-phat-trien-dat-nuoc-trong-ky-nguyen-moi>.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 153.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 111-112, 140, 240.
- Khảo sát SV (2025). Truy cập: <https://docs.google.com/forms/d/1QGDALloRXrXbWNUGPACZd9PIIdIGMtZOJipey0SLvRE/viewanalytics>.
- Pháp luật hành chính. (2025). *Nghị quyết 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới có những nội dung cơ bản nào? Nghị quyết 59 của Bộ Chính trị?*. Truy cập tại: <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/ho-tro-phap-luat/nghi-quyet-59nqtw-ve-hoi-nhap-quoc-te-trong-tinh-hinh-moi-co-nhung-noi-dung-co-ban-nao-nghi-quyet-5-216823.html>.
- Phát triển kinh tế tư nhân và doanh nghiệp dân tộc. (2025). *Toàn văn: Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân*. Truy cập tại: https://xaydungchinhachsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-68-nq-tw-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-119250505101309949.htm?utm_source=chatgpt.com, tr.2.